Phụ lục 01

CHI TIẾT

(Kèm theo Quyết định số 1073 /QĐ-UBND ngày 20 /5/2020 của UBND huyện Ân Thi)

ĐVT: Đồng

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMTND/ thẻ CCCD	Địa chỉ	Đối tượng NCC và thân nhân đang hưởng trợ cấp hàng tháng			Trùng đối tượng NCC hoặc đối tượng khác *(ghi rõ đối tượng trùng)*	Số tiền	Ghi chú
		Nam	Nữ		Thôn	NCC đang hưởng trợ cấp hàng tháng	Thân nhân NCC đang hưởng trợ cấp hàng tháng	Thương binh hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng			
1	Vũ Xuân Ánh	1949		145595818	Hoàng Cả	Thương binh				1.500.000	
2	Đỗ Thị Huê		1947		Hoàng Cả	Thương binh				1.500.000	
3	Vũ Xuân Đạt	1939			Hoàng Cả	Thương binh				1.500.000	
4	Hoàng Xuân Nùng	1959		033059000202	Hoàng Cả	Thương binh				1.500.000	
5	Đinh Đức Thụy	1939		145740073	Hoàng Cả	Thương binh				1.500.000	
6	Vũ Xuân Thứ	1957		145595830	Hoàng Cả	Thương binh				1.500.000	
7	Vũ Huy Tính	1953		241241237	Hoàng Cả	Thương binh				1.500.000	
8	Vũ Quang Bình	1949			Hoàng Cả	Thương binh				1.500.000	
9	Nguyễn Xuân Dậu	1945		145595644	Hoàng Cả	Thương binh				1.500.000	
10	Vũ Xuân Hanh	1954			Hoàng Cả	Thương binh				1.500.000	
11	Vũ Huy Sáng	1960		145547236	Hoàng Cả	Thương binh				1.500.000	
12	Vũ Thanh	1950		145886115	Hoàng Cả	Thương binh				1.500.000	
13	Nguyễn Văn Trang	1947		145667655	Hoàng Cả	Thương binh				1.500.000	
14	Hồ Tiến Đắc	1938		145766207	Mai Xuyên	Thương binh			BTXH	1.500.000	
15	Vũ Trọng Điểm	1954			Mai Xuyên	Thương binh			CĐHH	1.500.000	
16	Vũ Đình Kha	1947			Mai Xuyên	Thương binh				1.500.000	
17	Hoàng Khánh	1933			Mai Xuyên	Thương binh				1.500.000	
18	Hoàng Văn Bồng	1948		145667876	Mai Xuyên	Thương binh				1.500.000	
19	Hồ Quý Nghiệp	1957		033057000777	Mai Xuyên	Thương binh				1.500.000	
20	Hoàng Văn Thưởng	1952		145005402	Mai Xuyên	Thương binh				1.500.000	

21	Hoàng Văn Ngột	1950		145409866	Mai Xuyên	Thương binh				1.500.000	
22	Đỗ Hồng Phấn	1940			Mai Xuyên	Thương binh				1.500.000	
23	Lê Quý Mạnh	1946		033046000678	Mai Xuyên	Thương binh				1.500.000	
24	Nguyễn Trung Cường	1948		145658963	Bình Trì	Thương binh				1.500.000	
25	Nguyễn Xuân Hạng	1944			Bình Trì	Thương binh				1.500.000	
26	Nguyễn Văn Oánh	1960		033060002910	Bình Trì	Thương binh				1.500.000	
27	Lâm Quang Chức	1933			Bình Trì	Thương binh				1.500.000	
28	Nguyễn Thế Hùng	1952			Bình Trì	Thương binh				1.500.000	
29	Nguyễn Văn Thiêm	1947		145595522	Bình Trì	Thương binh			CĐHH	1.500.000	
30	Trần Xuân Thịnh	1950			Bình Trì	Thương binh				1.500.000	
31	Phạm Đức Dụ	1938			Phú Thôn	Thương binh				1.500.000	
32	Vũ Xuân Bộ	1956			Phú Thôn	Thương binh				1.500.000	
33	Nguyễn Tăng Thanh	1943		033043000272	Phú Thôn	Thương binh			cĐHH	1.500.000	
34	Vũ Đình Thìn	1952			Phú Thôn	Thương binh				1.500.000	
35	Trần Minh Hải	1941		145409816	Trung Thôn	Thương binh			BB2/3, CĐHH	1.500.000	
36	Trần Quang Chử	1947			Trung Thôn	Thương binh				1.500.000	
37	Doãn Văn Hởi	1934		145909644	Trung Thôn	Thương binh			BTXH	1.500.000	
38	Cáp Quang Hợp	1954			Trung Thôn	Thương binh				1.500.000	
39	Cáp Văn Khâm	1932			Trung Thôn	Thương binh			CĐHH	1.500.000	
40	Đoàn Văn Nhỡ	1948			Trung Thôn	Thương binh				1.500.000	
41	Cáp Xuân Oánh	1944			Trung Thôn	Thương binh				1.500.000	
42	Cáp Dương Tú	1942			Trung Thôn	Thương binh				1.500.000	
43	Nguyễn Văn Tốt	1936		140997704	Trung Thôn	Thương binh			BTXH	1.500.000	
44	Nguyễn Văn Biên	1945		033045000104	Quanh Thôn	Thương binh			CĐHH	1.500.000	
45	Nguyễn Văn Hiện	1952		145595598	Quanh Thôn	Thương binh				1.500.000	
46	Hoàng Kim	1930			Quanh Thôn	Thương binh				1.500.000	
47	Đào Văn Lân	1933		033033000026	Quanh Thôn	Thương binh				1.500.000	

48	Nguyễn Hữu Lượng	1950			Quanh Thôn	Thương binh			CĐHH	1.500.000	
49	Nguyễn Văn Chung	1936			Quanh Thôn	Thương binh				1.500.000	
50	Dương Văn Tỵ	1952		145372341	Quanh Thôn	Thương binh			CĐHH	1.500.000	
51	Đào Văn Thân	1948			Phạm Ngũ Lão	Thương binh			CĐHH	1.500.000	
52	Nguyễn Lạng	1943			Phạm Ngũ Lão	Thương binh			CĐHH	1.500.000	
53	Nguyễn Ngọc Khiêm	1943			Phạm Ngũ Lão	Thương binh			CĐHH	1.500.000	
54	Đỗ Thị Sành		1954	145667828	Phạm Ngũ Lão	Thương binh				1.500.000	
55	Chu Văn Nhân	1943			Phạm Ngũ Lão	Thương binh				1.500.000	
56	Cáp Sỹ Tuấn	1947			Phạm Ngũ Lão	Thương binh				1.500.000	
57	Đinh Văn Vực	1941			Phạm Ngũ Lão	Thương binh				1.500.000	
58	Lê Quý Thịnh	1950			Phạm Huy Thông	Thương binh				1.500.000	
59	Nguyễn Văn Nghĩa	1939			Phạm Huy Thông	Thương binh				1.500.000	
60	Trần Tuấn Khải	1942			Phạm Huy Thông	Thương binh			CĐHH	1.500.000	
61	Trần Văn Đức	1958		033058002263	Phạm Huy Thông	Thương binh				1.500.000	
62	Vũ Xuân Đạo	1955		033055000901	Phạm Huy Thông	Thương binh				1.500.000	
63	Vũ Bá Lưu	1944			Bùi Thị Cúc	Thương binh			CĐHH	1.500.000	
64	Hoàng Văn Biên				Hoàng Văn Thụ	Thương binh				1.500.000	
65	Đỗ Toàn Thắng	1952			Nguyễn Trung Ngạn	Thương binh				1.500.000	
66	Trần Quốc Hợi	1942			Nguyễn Trung Ngạn	Thương binh				1.500.000	
67	Đào Xuân Đông	1955		145284459	Nguyễn Trung Ngạn	Thương binh				1.500.000	
68	Nguyễn Đại Nghĩa	1942			Nguyễn Trung Ngạn	Thương binh			CĐHH	1.500.000	
69	Phạm Văn Tấn	1956			Nguyễn Trung Ngạn	Thương binh				1.500.000	
70	Lê Xuân Đăn	1935			Bùi Thị Cúc			TB MSLĐ		1.500.000	
71	Hoàng Ngọc Nhuế	1952			Nguyễn Trung Ngạn			TB MSLĐ		1.500.000	
72	Vũ Huy Tiến	1959		145450042	Hoàng Cả	Bệnh Binh				1.500.000	
73	Hoàng Tiến Lượng	1942		145595978	Hoàng Văn Thụ	Bệnh Binh				1.500.000	
74	Vũ Huy Tâm	1947		145547005	Hoàng Cả	Bệnh Binh				1.500.000	

75	Vũ Huy Động	1948		145547204	Hoàng Cả	Bệnh Binh				1.500.000	
76	Hoàng Xuân Lộc	1945		145595535	Hoàng Cả	Bệnh Binh				1.500.000	
77	Vũ Huy Thanh	1937		145547564	Hoàng Cả	Bệnh Binh			BTXH	1.500.000	
78	Vũ Huy Lợi	1948		033048000543	Hoàng Cả	Bệnh Binh				1.500.000	
79	Vũ Huy Phương	1952		145547306	Hoàng Cả	Bệnh Binh				1.500.000	
80	Vũ Đình Hoà	1953		145284484	Hoàng Cả	Bệnh Binh				1.500.000	
81	Đỗ Minh Tề	1952			Mai Xuyên	Bệnh Binh				1.500.000	
82	Vũ Văn Số	1939		145819769	Mai Xuyên	Bệnh Binh				1.500.000	
83	Vũ Đình Tá	1953		145182702	Mai Xuyên	Bệnh Binh				1.500.000	
84	Hoàng Đức Lân	1935		145738596	Mai Xuyên	Bệnh Binh			BTXH	1.500.000	
85	Đỗ Huy Hờn	1956		145547323	Mai Xuyên	Bệnh Binh				1.500.000	
86	Lâm Quang Sinh	1945		145039949	Bình Trì	Bệnh Binh			CĐHH	1.500.000	
87	Nguyễn Xuân Hạm	1940		145618308	Phú Thôn	Bệnh Binh			BTXH	1.500.000	
88	Nguyễn Văn Lực	1957		033057002668	Quanh Thôn	Bệnh Binh				1.500.000	
89	Nguyễn Xuân Kiệm	1955		033055001490	Quanh Thôn	Bệnh Binh				1.500.000	
90	Nguyễn Quốc Lập	1953		033053001450	Quanh Thôn	Bệnh Binh				1.500.000	
91	Phạm Văn Nhật	1957		145372396	Quanh Thôn	Bệnh Binh				1.500.000	
92	Trần Quang Đan	1946			Trung Thôn	Bệnh Binh				1.500.000	
93	Cáp Văn Tâm	1929			Trung Thôn	Bệnh Binh				1.500.000	
94	Đoàn Văn Cờ	1947		145571622	Trung Thôn	Bệnh Binh				1.500.000	
95	Hoàng Văn Lưỡng	1945			Trung Thôn	Bệnh Binh				1.500.000	
96	Doãn Văn Phấn	1957		145409935	Trung Thôn	Bệnh Binh				1.500.000	
97	Nguyễn Hữu Bảnh	1950			Phạm Ngũ Lão	Bệnh Binh				1.500.000	
98	Cáp Văn Tịu	1952			Phạm Ngũ Lão	Bệnh Binh				1.500.000	
99	Vũ Huy Diệu	1945		145063541	Nguyễn Trung Ngạn	Bệnh Binh				1.500.000	
100	Trương Thị Bạn		1952		Nguyễn Trung Ngạn	Bệnh Binh				1.500.000	
101	Đoàn Đình Dy	1951			Phạm Huy Thông	Bệnh Binh			CĐHH	1.500.000	

102	Lê Duy Phương	1955			Phạm Huy Thông	Bệnh Binh				1.500.000	
103	Bùi Xuân Tuấn	1959			Bùi Thị Cúc	Bệnh Binh				1.500.000	
104	Hoàng Nghệ	1952			Hoàng Cả	CĐHH				1.500.000	
105	Hoàng Thị Tính		1955	145667642	Hoàng Cả	CĐHH				1.500.000	
106	Đào Thị Thanh		1952	033152000134	Quanh Thôn	CĐHH				1.500.000	
107	Hoàng Đình Kiều	1939			Trung Thôn	CĐHH				1.500.000	
108	Nguyễn Đức Toàn	1949			Trung Thôn	CĐHH				1.500.000	
109	Doãn Văn Điền	1936			Trung Thôn	CĐHH				1.500.000	
110	Cáp Xuân Trường	1950		145571042	Trung Thôn	CĐHH				1.500.000	
111	Trần Thanh Hải	1948			Nguyễn Trung Ngạn	CĐHH				1.500.000	
112	Vũ Khắc Khoan	1943			Nguyễn Trung Ngạn	CĐHH				1.500.000	
113	Trần Xuân Vĩnh	1952			Nguyễn Trung Ngạn	CĐHH				1.500.000	
114	Lưu Quang Cọ	1949			Phạm Huy Thông	CĐHH				1.500.000	
115	Chu Văn Thỏ	1952		033052000431	Phạm Huy Thông	CĐHH				1.500.000	
116	Nguyễn Văn Nhớn	1954			Bùi Thị Cúc	CĐHH				1.500.000	
117	Đặng Văn Hữu	1948			Phạm Ngũ Lão	CĐHH				1.500.000	
118	Hoàng Anh Hợi	1945			Phạm Ngũ Lão	CĐHH				1.500.000	
119	Nguyễn Công Thoát	1950			Phạm Ngũ Lão	CĐHH				1.500.000	
120	Vũ Trung Hậu	1948			Phạm Ngũ Lão	CĐHH				1.500.000	
121	Đỗ Văn Lự	1930		145858282	Mai Xuyên	Tù đày			BTXH	1.500.000	
122	Hoàng Thị Mùi		1930	145845154	Bình Trì	Tù đày			BTXH	1.500.000	
123	Phạm Thị Uy		1935		Phạm Ngũ Lão		Tuất LS			1.500.000	
124	Nguyễn Thị Tuyết		1969		Thôn Quanh		Tuất LS			1.500.000	
125	Đào Thị Lãm		1926	140998158	Thôn Quanh		Tuất LS		BTXH	1.500.000	
126	Nguyễn Thị Phát		1923	140997975	Thôn Trung		Tuất LS		BTXH	1.500.000	
127	Phạm Thị Liên		1930		Hoàng Cả		Tuất LS		BTXH	1.500.000	
128	Vũ Thị Ngần		1928	141049049	Hoàng Cả		Tuất LS		BTXH	1.500.000	

129	Nguyễn Thị Vân		1935		Bình Trì		Tuất LS		BTXH	1.500.000	
130	Hoàng Thị Thơm		1927	141243766	Hoàng Cả		Tuất LS		BTXH	1.500.000	
131	Hồ Thị Dụ		1931	145819858	Mai Xuyên		Tuất LS		BTXH	1.500.000	
132	Trần Thị Trọng		1929	140997690	Bình Trì		Tuất LS		BTXH	1.500.000	
133	Đồng Thị Vân		1934	145858144	Bình Trì		Tuất LS		BTXH	1.500.000	
134	Nguyễn Thị Khanh		1932		Hoàng Cả		Tuất LS		BTXH	1.500.000	
135	Vũ Huy Lảng	1930			Hoàng Cả		Tuất LS		BTXH	1.500.000	
136	Lê Thị Cần		1932	145547579	Hoàng Cả		Tuất LS		BTXH	1.500.000	
137	Phạm Thị Hỗ		1931		Thôn Trung		Tuất LS			1.500.000	
138	Cáp Văn An	1932			Thôn Trung		Tuất LS			1.500.000	
139	Trần Thị Sót		1921		Bùi Thị Cúc		Tuất LS		BTXH	1.500.000	
140	Đỗ Thị Nguyệt		1922	140997413	Mai Xuyên		Tuất LS		BTXH	1.500.000	
141	Hoàng Văn Đang		1924	140997453	Mai Xuyên		Tuất LS			1.500.000	
142	Bùi Thị Hồng		1938		Phạm Ngũ Lão		Tuất LS			1.500.000	
143	Hoàng Thị Tảo		1932		Mai Xuyên		Tuất LS		BTXH	1.500.000	
144	Hoàng Thị Lừu		1934		Hoàng Cả		Tuất LS		BTXH	1.500.000	
145	Nguyễn Thị Mùi		1935		Phú Thôn		Tuất LS		BTXH	1.500.000	
146	Đỗ Thị Đơn		1937	140998005	Thôn Trung		Tuất LS		BTXH	1.500.000	
147	Hoàng Thị Hến		1935		Phú Thôn		Tuất LS		BTXH	1.500.000	
148	Đỗ Thị Hoa		1942		Thôn Trung		Tuất LS			1.500.000	
149	Cáp Thị Di		1938	145595647	Thôn Trung		Tuất LS		BTXH	1.500.000	
150	Hoàng Thị Xuyến		1939		Hoàng Cả		Tuất LS		BTXH	1.500.000	
151	Hoàng Thị The		1944	033144000046	Hoàng Cả		Tuất LS			1.500.000	
152	Nguyễn Thị Thiềm		1943	145409795	Thôn Quanh		Tuất LS			1.500.000	
153	Vũ Thị Vân		1935		Hoàng Cả		Tuất LS		BTXH	1.500.000	
154	Nguyễn Thị Quy		1937		Bình Trì		Tuất LS			1.500.000	
155	Mai Thị Vi		1945		Bùi Thị Cúc		Tuất LS			1.500.000	

156	Phạm Thị Nót		1944	145409723	Mai Xuyên		Tuất LS			1.500.000	
157	Nguyễn Thị Mẽ		1946	145667681	Thôn Quanh		Tuất LS			1.500.000	
158	Trần Thị Dục		1952		Bình Trì		Tuất LS			1.500.000	
159	Hoàng Thị Lợi		1958	140997289	Mai Xuyên		Tuất LS			1.500.000	
160	Vũ Thị Oanh		1947		Nguyễn Trung Ngạn		Tuất LS			1.500.000	
161	Vũ Thị Toan		1960		Nguyễn Trung Ngạn		Tuất LS			1.500.000	
162	Nguyễn Thị Doanh		1928		Phú Thôn		Tuất LS		BTXH	1.500.000	
163	Đặng Thị Thường		1958		Thôn Quanh		Tuất TB			1.500.000	
164	Lê Thị Thêm		1947		Thôn Trung		Tuất TB			1.500.000	
165	Nghiêm Thị Cúc		1952	033152001690	Thôn Trung		Tuất TB			1.500.000	
166	Nguyễn Thị Cuống		1944	145404316	Thôn Quanh		Tuất TB			1.500.000	
167	Nguyễn Thị Chừ		1936	140997770	Thôn Trung		Tuất TB		BTXH	1.500.000	
168	Lương Thị Huệ		1943		Phạm Ngũ Lão		Tuất TB			1.500.000	
169	Hoàng Thị Thắm		1935		Hoàng Cả		Tuất BB		BTXH	1.500.000	
170	Nguyễn Thị Thành		1933		Mai Xuyên		Tuất BB		BTXH	1.500.000	
171	Nguyễn Thị Mỹ		1940		Mai Xuyên		Tuất BB		BTXH	1.500.000	
172	Nguyễn Thị Thanh		1954	145571539	Mai Xuyên		Tuất BB			1.500.000	
173	Vũ Thị Phước		1945	145619961	Bình Trì		Tuất BB			1.500.000	
174	Vũ Thị Tuý		1934	145547647	Hoàng Cả		Tuất BB		BTXH	1.500.000	
175	Chu Văn Chung	1978		145231597	Phạm Huy Thông		Con CĐHH			1.500.000	
176	Nguyễn Công Thức	1975		145372384	Nguyễn Trung Ngạn		Con CĐHH			1.500.000	
177	Nguyễn Thị Hương		1973	145547662	Nguyễn Trung Ngạn		Con CĐHH			1.500.000	
178	Trần Thanh Hoà	1977		145450948	Nguyễn Trung Ngạn		Con CĐHH			1.500.000	
179	Nguyễn Thị Hậu		1981	033181000430	Thôn Quanh		Con CĐHH			1.500.000	
180	Nguyễn Tăng Mạnh	1988			Phú Thôn		Con CĐHH			1.500.000	
181	Trần Thị Huê		1976	145886122	Thôn Trung		Con CĐHH			1.500.000	
182	Nguyễn Thị Hiên		1977	145819755	Thôn Quanh		Con CĐHH			1.500.000	

183	Nguyễn Văn Tuân	1982		033082001478	Thôn Quanh		Con CĐHH			1.500.000	
184	Chu Thị Quý		1983	033183005619	Phạm Huy Thông		Con CĐHH			1.500.000	
185	Cáp Văn Tuỳ	1982		145005416	Thôn Trung		Con CĐHH			1.500.000	
186	Nguyễn Trọng Nam	1982		145005406	Bình Trì		Con CĐHH			1.500.000	
187	Lâm Quang Xuyên	1984		145135618	Bình Trì		Con CĐHH			1.500.000	
188	Hoàng Anh Hiệp	1976			Phạm Ngũ Lão		Con CĐHH			1.500.000	
189	Vũ Bá Lượng	1987		145231804	Bùi Thị Cúc		Con CĐHH			1.500.000	
190	Nguyễn Văn Sỹ	1969		145372528	Bình Trì		Con CĐHH			1.500.000	
191	Chu Văn Minh	1976		145409919	Pham Huy Thông		Con CĐHH			1.500.000	
192	Đỗ Văn Hứa	1981		145065601	Mai Xuyên		Con CĐHH			1.500.000	
193	Trần Văn Quang	1977			Thôn Trung		Con CĐHH			1.500.000	
194	Vũ Thanh Long	1982			Nguyễn Trung Ngạn		Con CĐHH			1.500.000	
195	Vũ Khắc Được	1981			Mai Xuyên		Con CĐHH			1.500.000	
196	Trịnh Thị Mậu		1978	145409926	Hoàng Cả		Con CĐHH			1.500.000	
Tổng cộng										**294.000.000**	

Bằng chữ: Hai trăm chín mươi bốn triệu đồng chẵn./.

Phụ lục 2a

CHI TIẾT

Danh sách người thuộc hộ cận nghèo hưởng chính sách hỗ trợ

(Kèm theo Quyết định số 1077/QĐ-UBND ngày 20 / 5/2020)

STT	Hộ	Năm sinh		Địa chỉ		Tổng số nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu được nhận hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ (đồng): 250.000đ/tháng x 3 tháng= 750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ	Thôn	Xã					
1	2	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	9	10	*11*
	XX. Thị trấn Ân Thi									
1	Chủ hộ: Đào Thị Mến		01/01/1951	Hoàng Cả	TT Ân Thi	1	1	750.000	750.000	
2	Chủ hộ: Vũ Huy Cơ	10/08/1941		Hoàng Cả	TT Ân Thi	2	2	750.000	1.500.000	
	Hoàng Thị Chốc		01/01/1947					750.000		
3	Chủ hộ: Vũ Thị Mùi		25/01/1953	Hoàng Cả	TT Ân Thi	5	4	750.000	3.000.000	
	Đỗ Văn Cường	28/02/1983						750.000		
	Nguyễn Thị Hương		16/05/1989					750.000		
	Đỗ Duy Phúc	20/04/2010						750.000		
	Đỗ Duy Tùng	25/07/2014						-		
4	Chủ hộ: Vũ Văn Chiều	03/08/1960		Hoàng Cả	TT Ân Thi	2	2	750.000	1.500.000	
	Trần Thị Xá		09/11/1962					750.000		
5	Chủ hộ: Nguyễn Văn Điệp	01/01/1963		Hoàng Cả	TT Ân Thi	2	2	750.000	1.500.000	
	Trần Thị Chúc		01/01/1965					750.000		
6	Chủ hộ: Nguyễn Văn Mong	20/06/1957		Mai Xuyên	TT Ân Thi	2	2	750.000	1.500.000	
	Nguyễn Thị Vân		16/06/1962					750.000		
7	Chủ hộ: Ngô Văn Học	13/03/1973		Mai Xuyên	TT Ân Thi	5	5	750.000	3.750.000	
	Đào Thị Loan		05/05/1979					750.000		
	Ngô Thị Hương		05/07/2001					750.000		
	Ngô Thị Huệ		22/06/2007					750.000		
	Ngô Thị Thơm		02/09/2015					750.000		
8	Chủ hộ: Dương Văn Chuyên	08/10/1970		Thôn Quanh	TT Ân Thi	5	5	750.000	3.750.000	
	Đào Thị Anh		03/06/1976					750.000		
	Dương Thị Thanh		14/03/1998					750.000		
	Dương Quyết Thắng	28/04/2002						750.000		
	Dương Bảo Ngân		28/04/2015					750.000		
9	Chủ hộ: Nguyễn Văn Anh	22/07/1982		Thôn Quanh	TT Ân Thi	6	6	750.000	4.500.000	
	Nguyễn Thị Kim Ngân		12/09/1984					750.000		
	Nguyễn Thị Nha Trang		15/02/2004					750.000		
	Nguyễn Hồng Phong	19/10/2007						750.000		
	Nguyễn An Bình		05/10/2012					750.000		
	Nguyễn Bình Yên		05/10/2012					750.000		
10	Chủ hộ: Nguyễn Văn Hải	13/08/1983		Thôn Quanh	TT Ân Thi	4	4	750.000	3.000.000	
	Lương Thị Dự		02/02/1986					750.000		
	Nguyễn Lương Thu Huyền		12/01/2007					750.000		
	Nguyễn Lương Thúy Hiền		29/03/2010					750.000		

STT	Hộ	Năm sinh		Địa chỉ		Tổng số nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu được nhận hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ (đồng): 250.000đ/tháng x 3 tháng= 750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ	Thôn	Xã					
11	Chủ hộ: Nguyễn Văn Long	28/10/1962		Phú Thôn	TT Ân Thi	3	3	750.000	2.250.000	
	Hứa Thị Tuyết		22/02/1969					750.000		
	Nguyễn Thị Ngọc Ánh		26/11/1999					750.000		
12	Chủ hộ: Trần Thị Thúy		01/01/1963	Trung Thôn	TT Ân Thi	4	4	750.000	3.000.000	
	Hoàng Văn Tuynh	02/10/1968						750.000		
	Hoàng Thế Gia	22/02/1993						750.000		
	Hoàng Thị Mười		23/03/1999					750.000		
13	Chủ hộ: Đào Thị Lộng		02/05/1942	Trung Thôn	TT Ân Thi	5	5	750.000	3.750.000	
	Hoàng Công Thiện	11/02/1975						750.000		
	Nguyễn Thị Liên		01/05/1977					750.000		
	Hoàng Công Trung	07/03/2007						750.000		
	Hoàng Long	28/09/1999						750.000		
14	Chủ hộ: Vũ Văn Tuấn	01/01/1960		Bình Trì	TT Ân Thi	6	6	750.000	4.500.000	
	Nguyễn Thị Đạo		23/02/1960					750.000		
	Vũ Thị Hương		06/08/1990					750.000		
	Vũ Thị Mai		06/06/1993					750.000		
	Vũ Thị Lan		19/05/1996					750.000		
	Phạm Vũ Đức Minh	12/09/2016						750.000		
15	Chủ hộ: Nguyễn Thị Thu Hà		11/11/1982	Bình Trì	TT Ân Thi	3	2	750.000	1.500.000	
	Nguyễn Hải Anh	24/06/2011						750.000		
	Nguyễn Thành Đạt	17/09/2016						-		
16	Chủ hộ: Cáp Thị Phố		08/04/1948	Bùi Thị Cúc	TT Ân Thi	5	5	750.000	3.750.000	
	Lê Ngọc Hà		13/01/1978					750.000		
	Hoàng Quốc Khánh	23/10/2002						750.000		
	Hoàng Thế Hanh	28/04/2006						750.000		
	Hoàng Khánh Ly		01/06/2012					750.000		
17	Chủ hộ: Hoàng Thị Lan Hương		20/11/1987	Hoàng Văn Thụ	TT Ân Thi	3	3	750.000	2.250.000	
	Hoàng Thị Mai		28/03/2009					750.000		
	Hoàng Thị Mai Trang		09/04/2011					750.000		
18	Chủ hộ: Nguyễn Hồng Phương	05/07/1980		Phạm Huy Thông	TT Ân Thi	4	4	750.000	3.000.000	
	Nguyễn Thị Quyên		29/09/1980					750.000		
	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt		02/12/2004					750.000		
	Nguyễn Thị Minh Ngọc		30/07/2010					750.000		
19	Chủ hộ: Nguyễn Văn Dương	05/05/1988		Phạm Ngũ Lão	TT Ân Thi	5	4	750.000	3.000.000	
	Cáp Thị Thu		29/09/1988					750.000		
	Nguyễn Dương Trí	22/08/2010						750.000		
	Nguyễn Văn Quyết	02/11/2013						-		
	Nguyễn Vinh Hưng	20/09/2017						750.000		
20	Chủ hộ: Bùi Thị Tầm	12/12/1976		guyễn Trung Ngạ	TT Ân Thi	3	3	750.000	2.250.000	
	Chu Văn An		05/09/2002					750.000		
	Chu Quang Khải		24/09/2005					750.000		
	Tổng cộng					75	72		54.000.000	

Bằng chữ: Năm mươi bốn triệu đồng chẵn.

Phụ lục 2b

CHI TIẾT

Danh sách người thuộc hộ nghèo hưởng chính sách hỗ trợ

(Kèm theo Quyết định số 1077/QĐ-UBND ngày 20 / 5 /2020)

STT	Hộ	Năm sinh		Địa chỉ		Tổng số nhân khẩu trong	Số nhân khẩu được nhận	Mức hỗ trợ (đồng): 250.000đ/tháng x 3 tháng=	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ	Thôn	Xã					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
	XX. Thị trấn Ân Thi									
1	Chủ hộ: Vũ Thị Huế		20/02/1995	Hoàng Cả	TT Ân Thi	3	1	-	750.000	
	Vũ Công Minh Hiếu	02/11/2009						-		
	Vũ Anh Đạt	04/02/2014						750.000		
2	Chủ hộ: Nguyễn Văn Dũng	01/01/1943		Hoàng Cả	TT Ân Thi	2	2	750.000	1.500.000	
	Nguyễn Thị Tuyến		01/01/1945					750.000		
3	Chủ hộ: Đào Thị Bình		04/07/1968	Hoàng Cả	TT Ân Thi	2	2	750.000	1.500.000	
	Vũ Đức Long	24/07/1995						750.000		
4	Chủ hộ: Phạm Thị Liên		01/01/1951	Hoàng Cả	TT Ân Thi	2	1	750.000	750.000	
	Vũ Văn Biên	12/11/1979						-		
5	Chủ hộ: Vũ Thị Mậu		01/01/1963	Hoàng Cả	TT Ân Thi	1	0	-	0	
6	Chủ hộ: Vũ Thị Thủ		01/01/1941	Hoàng Cả	TT Ân Thi	1	0	-	0	
7	Chủ hộ: Hoàng Thị Thanh		05/10/1968	Hoàng Cả	TT Ân Thi	2	1	-	750.000	
	Hoàng Thị Thủy		16/07/2003	Hoàng Cả	TT Ân Thi			750.000		
8	Chủ hộ: Vũ Văn Mật	08/11/1957		Hoàng Cả	TT Ân Thi	4	4	750.000	3.000.000	
	Vũ Thị Đông		10/10/1961					750.000		
	Vũ Thị Thùy Linh		29/06/2010					750.000		
	Vũ Quốc Việt	12/04/1989						750.000		
9	Chủ hộ: Hoàng Đình Phong	10/10/1974		Hoàng Cả	TT Ân Thi	3	3	750.000	2.250.000	
	Hoàng Thị Ngọc Hoài		27/06/2006					750.000		
	Hoàng Thế Tiệp	09/10/2009						750.000		
10	Chủ hộ: Vũ Huy Vẻ	01/01/1963		Hoàng Cả	TT Ân Thi	4	4	750.000	3.000.000	
	Đỗ Thị Hiền		10/12/1959					750.000		
	Vũ Huy Vinh	08/02/1991						750.000		
	Vũ Thị Hường		11/12/2007					750.000		
11	Chủ hộ: Nguyễn Thị Quỳ		10/11/1962	Mai Xuyên	TT Ân Thi	1	1	750.000	750.000	
12	Chủ hộ: Hoàng Quốc Huy	16/04/1982		Mai Xuyên	TT Ân Thi	5	5	750.000	3.750.000	
	Đỗ Thị Mây		16/11/1984					750.000		
	Hoàng Hoàng Anh	20/01/2006						750.000		
	Hoàng Đức Phát	28/12/2009						750.000		
	Hoàng Đức Nhật	04/09/2012						750.000		

STT	Hộ	Năm sinh		Địa chỉ		Tổng số nhân khẩu trong	Số nhân khẩu được nhận	Mức hỗ trợ (đồng): 250.000đ/tháng x 3 tháng=	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ	Thôn	Xã					
13	Chủ hộ: Hoàng Thị Nghĩa		10/12/1976	Mai Xuyên	TT Ân Thi	2	1	-	750.000	
	Hoàng Thị Vương Hà		30/04/2008					750.000		
14	Chủ hộ: Hoàng Thị Chi		24/12/1985	Mai Xuyên	TT Ân Thi	3	2	-	1.500.000	
	Nguyễn Thị Ngọc Minh		01/10/2010					750.000		
	Nguyễn Hoàng Anh	21/07/2012						750.000		
15	Chủ hộ: Đinh Thị Huyền		27/02/1973	Mai Xuyên	TT Ân Thi	8	7	-	5.250.000	
	Hồ Thanh Long	17/09/1998						750.000		
	Hồ Ngọc Sơn	27/05/2001						750.000		
	Hồ Thanh Bình	03/04/2004						750.000		
	Hồ Thị Thúy Hồng		07/11/2009					750.000		
	Hồ Thị Mỹ Linh		30/05/2013					750.000		
	Hồ Minh Tiến	26/10/2016						750.000		
	Hồ Minh Anh		21/07/2019					750.000		
16	Chủ hộ: Nguyễn Thị Ly		01/01/1950	Thôn Quanh	TT Ân Thi	1	0	-	0	
17	Chủ hộ: Đàm Đức Sở	14/02/1964		Thôn Quanh	TT Ân Thi	5	5	750.000	3.750.000	
	Đào Thị Hoa		01/01/1960					750.000		
	Đàm Văn Công	08/04/1991						750.000		
	Đàm Thị Thùy Linh		12/02/2012					750.000		
	Đàm Duy Khánh	12/03/2014						750.000		
18	Chủ hộ: Trần Văn Hóa	01/01/1960		Thôn Quanh	TT Ân Thi	7	7	750.000	5.250.000	
	Chu Thị Chử		01/01/1964					750.000		
	Trần Văn Hưng	21/08/1983						750.000		
	Vũ Thị An		25/08/1989					750.000		
	Trần Thị Kim Anh		12/07/2010					750.000		
	Trần Huy Hiệu	01/06/2012						750.000		
	Trần Huy Khánh	22/01/2019						750.000		
19	Chủ hộ: Bùi Trung Du	04/03/1957		Thôn Quanh	TT Ân Thi	3	2	-	1.500.000	
	Bùi Thị Vân		01/01/1960					750.000		
	Bùi Thị Thảo		09/02/1993					750.000		
20	Chủ hộ: Nguyễn Văn Kiên	01/01/1958		Thôn Quanh	TT Ân Thi	4	4	750.000	3.000.000	
	Nguyễn Thị Thoi		16/11/1960					750.000		
	Nguyễn Văn Tuấn	05/09/1986						750.000		
	Nguyễn Thị Thủy		30/05/1997					750.000		
21	Chủ hộ: Hoàng Văn Tuất	01/01/1963		Thôn Quanh	TT Ân Thi	8	8	750.000	6.000.000	
	Hoàng Thị Ngãi		01/01/1963					750.000		
	Hoàng Văn Tuấn	20/06/1987						750.000		
	Vũ Thị Doan		10/12/1987					750.000		
	Hoàng Thị Na		22/07/2003					750.000		
	Hoàng Đức Anh	24/11/2010						750.000		
	Hoàng Bảo Lâm	25/07/2013						750.000		
	Hoàng Đức Bảo	02/01/2018						750.000		

STT	Hộ	Năm sinh		Địa chỉ		Tổng số nhân khẩu trong	Số nhân khẩu được nhận	Mức hỗ trợ (đồng): 250.000đ/tháng x 3 tháng=	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ	Thôn	Xã					
22	Chủ hộ: Nguyễn Trung Dũng	16/06/1968		Phú Thôn	TT Ân Thi	6	5	750.000	3.750.000	
	Trần Thị Tươi		10/06/1968					750.000		
	Nguyễn Thị Hồng		14/03/1993					750.000		
	Nguyễn Thị Mây		25/08/2003					750.000		
	Nguyễn Thị Dung		17/03/1995					-		
	Nguyễn Tài Khánh	05/03/2014						750.000		
23	Chủ hộ: Doãn Văn Tiến	10/04/1974		Trung Thôn	TT Ân Thi	4	4	750.000	3.000.000	
	Phạm Thị Nết		05/08/1973					750.000		
	Doãn Thị Nhinh		28/02/2001					750.000		
	Doãn Minh Đức	14/12/2010						750.000		
24	Chủ hộ: Hoàng Thị Lơ		16/07/1957	Trung Thôn	TT Ân Thi	1	1	750.000	750.000	
25	Chủ hộ: Cáp Thị Báo		15/02/1948	Trung Thôn	TT Ân Thi	1	0	-	0	
26	Chủ hộ: Cáp Văn Lăng	10/01/1975		Trung Thôn	TT Ân Thi	5	5	750.000	3.750.000	
	Trịnh Hồng Loan		11/07/1979					750.000		
	Cáp Văn Long	27/12/2000						750.000		
	Cáp Văn Hậu	31/12/2001						750.000		
	Cáp Văn Phúc	31/12/2001						750.000		
27	Chủ hộ: Vũ Đức Tĩnh	12/04/1970		Bình Trị	TT Ân Thi	4	4	750.000	3.000.000	
	Hoàng Thị Thịnh		19/07/1969					750.000		
	Vũ Đức Hoàng	15/08/1997						750.000		
	Vũ Thị Như		20/09/1995					750.000		
28	Chủ hộ: Hoàng Thị Trang		29/08/1992	Bình Trị	TT Ân Thi	2	2	750.000	1.500.000	
	Nguyễn Hoàng Gia Lộc	24/07/2015						750.000		
29	Chủ hộ: Lâm Quang Hơn	02/04/1981		Bình Trị	TT Ân Thi	2	1	-	750.000	
	Lâm Quang Hậu	20/07/2005						750.000		
30	Chủ hộ: Nguyễn Thị Hương		23/07/1972	Bình Trị	TT Ân Thi	3	2	-	1.500.000	
	Nguyễn Văn Duy	21/12/1997						750.000		
	Lê Hồng Anh	24/07/2012						750.000		
31	Chủ hộ: Nguyễn Văn Phê	01/01/1945		Bình Trị	TT Ân Thi	3	3	750.000	2.250.000	
	Nguyễn Thị Dầu		15/06/1947					750.000		
	Nguyễn Thị Hồng Nhung		18/02/2007					750.000		
32	Chủ hộ: Lưu Thị Liên		10/03/1955	Bùi Thị Cúc	TT Ân Thi	2	1	750.000	750.000	
	Nguyễn Thị Lan Anh		07/09/2004					-		
33	Chủ hộ: Cáp Tiến Duy	19/10/1991		Hoàng Văn Thụ	TT Ân Thi	4	4	750.000	3.000.000	
	Phạm Thị Hà		01/08/1993					750.000		
	Cáp Thị Hà Vy		05/08/2010					750.000		
	Cáp Khánh Nhật	03/01/2014						750.000		

STT	Hộ	Năm sinh		Địa chỉ		Tổng số nhân khẩu trong	Số nhân khẩu được nhận	Mức hỗ trợ (đồng): 250.000đ/tháng x 3 tháng=	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ	Thôn	Xã					
34	Chủ hộ: Đinh Văn Chiến	11/09/1971		Phạm Huy Thông	TT Ân Thi	5	3	750.000	2.250.000	
	Đoàn Thị Hà		10/10/1971					750.000		
	Đinh Thị Thu Giang		07/12/1994					-		
	Đinh Thị Thúy Quỳnh		17/08/1996					-		
	Đinh Thùy Dương		03/07/2012					750.000		
35	Chủ hộ: Cáp Văn Hiệp	01/01/1964		Phạm Ngũ Lão	TT Ân Thi	10	10	750.000	7.500.000	
	Vương Thị Thoa		01/02/1962					750.000		
	Cáp Tư Duy	31/03/1991						750.000		
	Cáp Văn Thành	29/12/1993						750.000		
	Nguyễn Thị Hương		01/09/1991					750.000		
	Nguyễn Thị Nhàn		08/01/1993					750.000		
	Cáp Thị Hương Giang		21/01/2013					750.000		
	Cáp Thị Hồng Hiên		08/08/2013					750.000		
	Cáp Trung Thanh	12/07/2015						750.000		
	Cáp Tuấn Nghĩa	05/08/2016						750.000		
36	Chủ hộ: Nguyễn Văn Đoàn	01/02/1970		Nguyễn Trung Ngạn	TT Ân Thi	4	4	750.000	3.000.000	
	Đinh Thị Hoa		13/05/1974					750.000		
	Nguyễn Thị Thùy Linh		24/02/2003					750.000		
	Nguyễn Thị Hồng		04/10/1996					750.000		
37	Chủ hộ: Trần Văn Hải	01/01/1985		Nguyễn Trung Ngạn	TT Ân Thi	3	1	-	750.000	
	Trần Mạnh Thắng	07/12/2006						750.000		
	Trần Thị Khánh Linh		18/05/2008					-		
	Tổng cộng					**130**	**110**		**82.500.000**	

Bằng chữ: Chín mươi hai triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng chẵn.

Phụ lục: 03

CHI TIẾT

(Kèm theo Quyết định số 1075/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 của UBND huyện)

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/ Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Thuộc Đối tượng nào (Theo Điều 5 NĐ136)	Kinh phí (đồng)	
		Nam	Nữ		Thôn	Xã		Trợ cấp XH hàng tháng (tính 1 tháng)	Hỗ trợ bị ảnh hưởng bởi Covid-19
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1	Nguyễn Thị Hạng		1931		Hoàng Cà 1	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
2	Vũ Thị Túc		1931	140998775	Hoàng Cà 2	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
3	Hoàng Thị Đào		1931	145550966	Hoàng Cà 3	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
4	Hoàng Thị Thịnh		1931		Phạm Huy Thông	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
5	Ngô Thị Đặt		1931	145658377	MX Đông	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
6	Nguyễn Thị Bích		1931	033131000022	Thôn Trung	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
7	Vũ Thị Thành		1922		Hoàng Cà 1	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
8	Nguyễn Thị Kiều		1921		Bình Trì	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
9	Cáp Thị Miện		1922		Thôn Trung	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
10	Dương Thị Nhị		1918	140998075	Thôn Quanh	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
11	Phạm Văn Kết	1923			Thôn Quanh	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
12	Hoàng Văn Mờ	1925		145284694	Hoàng Cà 3	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
13	Hoàng Thị Thu		1925		Hoàng Cà	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
14	Nguyễn Thị Thái		1925	140997624	Bình Trì	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
15	Phạm Thị Duyên		1924	140987893	Thôn Trung	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
16	Nguyễn Thị Sợi		1928	141049208	Hoàng Cà 1	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
17	Đào Thị Phương		.2/1/1929	145595800	Hoàng Cà 1	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
18	Nguyễn Văn Hải	16/1/1930		145526123	Hoàng Cà 1	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
19	Vũ Thị Vuốt		1926	145595868	Hoàng Cà 1	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
20	Nguyễn Thị Vân		.4/1930	145547509	Hoàng Cà 3	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
21	Vũ Thị Điều		1930	140998485	Hoàng Cà 3	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
22	Nguyễn Văn Mịch	1927			Hoàng Cà 3	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
23	Đặng Thị Gái		1927		MX Tây	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
24	Đặng Thị Lan		1929	145819785	MX Tây	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
25	Hoàng Thị Nỏ		1928	145658510	MX Đông	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
26	Nguyễn Thị Đính		1927		Bình Trì	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
27	Võ Thị Cúc		1927	140997513	Bình Trì	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
28	Hoàng Thị Nhâm		1930		Bình Trì	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
29	Đào Thị Mỳ		1926		Thôn Trung	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
30	Chu Thị Đức		1928	145595578	Thôn Trung	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
31	Hoàng Thị Hợi		.10/1/1930	033130000228	Thôn Trung	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
32	Hoàng Thị Lịu		1929		Thôn Trung	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
33	Phí Thị Vạn		1928		Thôn Quanh	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
34	Nguyễn Văn Toạ	1930		145845134	Thôn Quanh	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
35	Vũ Thị Mùi		1924		Thôn Quanh	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
36	Nguyễn Thị Dão		1930	145595927	Thôn Quanh	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
37	Đỗ Thị Thành		1928	140998393	Hoàng Văn Thụ	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
38	Hoàng Thị Ky		10/3/1932	145514022	Hoàng Văn Thụ	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/ Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Thuộc Đối tượng nào (Theo Điều 5 NĐ136)	Kinh phí (đồng)	
		Nam	Nữ		Thôn	Xã		Trợ cấp XH hàng tháng (tính 1 tháng)	Hỗ trợ bị ảnh hưởng bởi Covid-19
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
39	Phạm Thị Mai		1932		Hoàng Cả 1	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
40	Vũ Thị Vòng		1932	145726972	Hoàng Cả 1	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
41	Nguyễn Thị Mão		1932		Hoàng Cả	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
42	Vũ Xuân Soạn	1932		145845188	Hoàng Cả	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
43	Nguyễn Thị Thinh		1932		Bình Trì	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
44	Nguyễn Thị Sáng		1932		Bình Trì	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
45	Nguyễn Thị Dinh		1932		Thôn Trung	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
46	Nguyễn Thị Nhận		1932	145069012	Phú Thôn	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
47	Trần Thị Lụa		1932	145886103	Phú Thôn	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
48	Trần Thị TRà		1932		Phạm Ngũ Lão	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
49	Nguyễn Thị Toan		1932	033132000299	Thôn Quanh	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
50	Nguyễn Thị Lệ		1933		Hoàng Cả 1	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
51	Nguyễn Thị Huê		1933	141049276	Hoàng Cả 1	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
52	Vũ Văn Tường	1933		145547107	Hoàng Cả 1	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
53	Hoàng Thị Chung		1933	145571958	Hoàng Cả 1	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
54	Trần Thị Dịu		1933	145571957	Hoàng Cả 1	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
55	Nguyễn Thị Ngọc		1933		Hoàng Cả 2	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
56	Vũ Thị Quy		1933		Hoàng Cả 3	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
57	Vũ Thị Nuôi		1933		Hoàng Cả 3	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
58	Doãn Văn Hoà	1933			Thôn Trung	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
59	Cáp Văn Phan	1933		033033000229	Thôn Trung	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
60	Hoàng Thị Nhàn		1933		Thôn Trung	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
61	Nguyễn Thị Phương		1933		Thôn Quanh	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
62	Bùi Thị Chắm		1933		Thôn Quanh	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
63	Đào Thị Bách		10/1933	141292823	Thôn Quanh	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
64	Đào Thị Từ		1933		Phú Thôn	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
65	Vũ Thị Tâm		1933		Hoàng Cả 1	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
66	Vũ Thị Ngoạt		3/2/1933		Hoàng Cả 1	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
67	Vũ Huy Nhập	1934		145909494	Hoàng Cả 2	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
68	Hoàng Thị Loan		1934		Hoàng Cả 2	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
69	Nguyễn Thị Thơm		1934	145595911	Hoàng Cả 2	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
70	Vũ Thị Hợi		1934		Hoàng Cả 2	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
71	Vũ Thị Hiếu		1934		Hoàng Cả 2	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
72	Nguyễn Thị Lan		1934		Hoàng Cả 3	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
73	Nguyễn Thị Điền		08/02/1934	145595561	Bình Trì	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
74	Trần Khắc Vận	1934		145595842	Bình Trì	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
75	Vũ Thị Dỡ		1934	145845161	Thôn Trung	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
76	Nguyễn Văn Luyến	1934		145909737	Thôn Quanh	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
77	Nguyễn Xuân Điều	5/1934		033034000122	Hoàng Cả	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
78	Nguyễn Thị Hợi		1935	145547417	Hoàng Cả 1	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
79	Hoàng Thị Thiều		1935	145791884	Hoàng Cả 1	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
80	Nguyễn Thị Lâm		1935	145547616	Hoàng Cả 1	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/ Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Thuộc Đối tượng nào (Theo Điều 5 NĐ136)	Kinh phí (đồng)	
		Nam	Nữ		Thôn	Xã		Trợ cấp XH hàng tháng (tính 1 tháng)	Hỗ trợ bị ảnh hưởng bởi Covid-19
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
81	Vũ Huy Chử	1935			Hoàng Cả 2	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
82	Nguyễn Thị Kiểm		1935	145667647	Hoàng Cả 2	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
83	Lê Thị Quy		1935		Hoàng Cả 2	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
84	Vũ Thị Trạc		1935	141450768	Hoàng Cả 2	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
85	Nguyễn Văn Triện	1935			MX Đông	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
86	Lê Văn Thìn	1935			MX Tây	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
87	Chu Bá Khuê	1935		145886149	MX Tây	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
88	Đỗ Thị My		1935	145595514	MX Tây	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
89	Hoàng Thị Phượng		1935		Bình Trì	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
90	Trần Thị Lan		1935	033135000319	Bình Trì	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
91	Nguyễn Văn Tuệ	1935			Phú Thôn	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
92	Vũ Thị Phương		1935	145793872	Phú Thôn	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
93	Cáp Văn Tâm	1929			Thôn Trung	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
94	Phí Thị Liễu		1934	145658995	Thôn Trung	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
95	Nguyễn Thị Thứ		1935		Thôn Quanh	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
96	Đào Thị Liên		1935		Nguyễn Trung Ngạn	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
97	Nguyễn Thị Sơn		1935		Phú Thôn	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
98	Bùi Thị Ngạn		6/1935	033135000419	Hoàng Cả 1	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
99	Nguyễn Thị Phấn		6/1935		MX Đông	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
100	Hoàng Thị Duyên		1936	145595679	Hoàng Cả 1	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
101	Hoàng Thị Phiếu		1936		Hoàng Cả 1	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
102	Nguyễn Thị Tấn		1936	145791519	Hoàng Cả 1	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
103	Hoàng Thị Nụ		1936		Hoàng Cả 1	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
104	Trần Thị Yên		1936	145595843	Hoàng Cả 2	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
105	Đào Thị Nhiên		1936		Thôn Trung	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
106	Nguyễn Thị Nụ		1936	145595789	Thôn Quanh	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
107	Đinh Thị Huệ		1936	033136000048	MX Tây	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
108	Nguyễn Thị Vanh		1937	145547484	Hoàng Cả 1	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
109	Vũ Thị Tân		1937	145667772	Hoàng Cả 3	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
110	Đào Văn Bình	1937		140998116	Thôn Quanh	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
111	Đào Thị Mão		1937		Thôn Quanh	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
112	Nguyễn Văn Phếch	1937		145547040	Thôn Quanh	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
113	Đỗ Thị Bân		1937	145595539	Hoàng Văn Thụ	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
114	Phạm Thị Đích		1937	140998468	Hoàng Văn Thụ	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
115	Nguyễn Thị Lan		1937		Bình Trì	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
116	Doãn Thị Tìu		1937		Thôn Trung	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
117	Nguyễn Thị Tý		5/1937	141243771	Phú Thôn	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
118	Vũ Huy Hanh	1938		145547007	Hoàng Cả 1	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
119	Vũ Thị Đào		1938	145571833	Hoàng Cả 2	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
120	Nguyễn Thị Thuộc		1938		Hoàng Cả 3	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
121	Nguyễn Thị Linh		1938	145845155	Bình Trì	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
122	Đào Thị Nho		1938	145595609	Thôn Quanh	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/ Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Thuộc Đối tượng nào (Theo Điều 5 NĐ136)	Kinh phí (đồng)	
		Nam	Nữ		Thôn	Xã		Trợ cấp XH hàng tháng (tính 1 tháng)	Hỗ trợ bị ảnh hưởng bởi Covid-19
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
123	Đào Thị Tòng		1938	145595552	Thôn Quanh	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
124	Nguyễn Thị Thoan		1938		Thôn Trung	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
125	Lê Thị Phố		1938	140997237	MX Tây	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
126	Trần Thị Liên		1938	145595516	MX Tây	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
127	Lê Thị Dật		1938		MX Tây	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
128	Nguyễn Thị My		1938	145819317	MX Tây	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
129	Hoàng Văn Chợ	1938		145547065	MX Đông	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
130	Nguyễn Văn Ngà	1938		145886106	Phú Thôn	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
131	Hoàng Thị Phụ		1938	033138000560	Nguyễn Trung Ngạn	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
132	Phạm Quang Miên	5/1938			Nguyễn Trung Ngạn	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
133	Vũ Thị Tý		1939		Hoàng Cả	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
134	Hoàng Thị Thìn		1939		Hoàng Cả	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
135	Hoàng Văn Ba	1939		145450008	Hoàng Cả	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
136	Vũ Thị Thuận		1939	145526789	Hoàng Cả	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
137	Vũ Huy Tự	1939			Phú Thôn	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
138	Hoàng Thị Tảo		1939	145819721	MX Đông	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
139	Bùi Xuân Oanh	1939		033039000148	MX Đông	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
140	Hoàng Thị Bão		1939	145886256	MX Tây	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
141	Nguyễn Thị Sửu		1939	140998086	Thôn Quanh	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
142	Phí Thị Đính		5/1939	145547322	Thôn Trung	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
143	Doãn Thị Dèo		1940	145891889	Thôn Trung	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
144	Nguyễn Văn Cường	1940		145626832	Thôn Trung	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
145	Doãn Thị Lấm		1940		Thôn Trung	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
146	Vũ Thị Bê		1940	145701960	Thôn Trung	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
147	Phí Thị Tiếp		1940		Bình Trì	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
148	Nguyễn Trung Cường	1940		145667815	Phú Thôn	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
149	Vũ Thị Thục		1940	033140000482	Phú Thôn	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
150	Nguyễn Văn Hiền	1940			Phú Thôn	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
151	Hoàng Xuân Minh	1940		145547272	Hoàng Cả	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
152	Vũ Thị Thiện		1940	140998649	Hoàng Cả	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
153	Đỗ Thị Vang		1940		Mai Xuyên	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
154	Hoàng Thị Hào		1940	145888199	Mai Xuyên	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
155	Đỗ Thị Cảnh		1940	145667658	Mai Xuyên	TT Ân Thi	Từ đủ 80 tuổi trở lên	270,000	1.500.000
156	Nguyễn Thị Ly		1950		Thôn Quanh	TT Ân Thi	Người CT cô đơn thuộc HN	405,000	1.500.000
157	Vũ Thị Thủ		1941	145409680	Hoàng Cả	TT Ân Thi	Người CT cô đơn thuộc HN	405,000	1.500.000
158	Cáp Thị Bảo		15/2/1948		Thôn Trung	TT Ân Thi	Người CT cô đơn thuộc HN	405,000	1.500.000
159	Lâm Quang Hơn	1981		141893262	Bình Trì	TT Ân Thi	Khuyết tật nặng	405,000	1.500.000
160	Phí Thị Thu		1975		Mai Xuyên	TT Ân Thi	Khuyết tật nặng	405,000	1.500.000
161	Vũ Xuân Hiệp	1950		145547010	Hoàng Cả 2	TT Ân Thi	NCT khuyết tật nặng	540,000	1.500.000
162	Vũ Thị Loan		1965	141072214	Hoàng Cả 2	TT Ân Thi	Khuyết tật nặng	405,000	1.500.000
163	Vũ Huy Đạt	2003			Hoàng Cả 3	TT Ân Thi	Khuyết tật nặng	405,000	1.500.000
164	Nguyễn Trung Chính	1959		145595591	Nguyễn Trung Ngạn	TT Ân Thi	NCT khuyết tật ĐBN	675,000	1.500.000

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/ Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Thuộc Đối tượng nào (Theo Điều 5 NĐ136)	Kinh phí (đồng)	
		Nam	Nữ		Thôn	Xã		Trợ cấp XH hàng tháng (tính 1 tháng)	Hỗ trợ bị ảnh hưởng bởi Covid-19
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
165	Hồ Thị Quý		1983	145065433	Mai Xuyên	TT Ân Thi	Khuyết tật ĐBN	540,000	1.500.000
166	Đỗ Văn Tạm	1958		145595935	Mai Xuyên	TT Ân Thi	NCT khuyết tật ĐBN	675,000	1.500.000
167	Nguyễn Văn Thạch	1923			Phú Thôn	TT Ân Thi	NCT khuyết tật nặng	540,000	1.500.000
168	Cáp Văn Vinh	1953		145526451	Thôn Trung	TT Ân Thi	NCT khuyết tật nặng	540,000	1.500.000
169	Nguyễn Văn Hùng	1995			Hoàng Cả	TT Ân Thi	Khuyết tật nặng	405,000	1.500.000
170	Phạm Thị Hường		1980		Ngan	TT Ân Thi	Khuyết tật nặng	405,000	1.500.000
171	Vũ Huy Kiên	1992		145547575	Hoàng Cả	TT Ân Thi	Khuyết tật nặng	405,000	1.500.000
172	Doãn Văn Sơn	1966			Phạm Ngũ Lão	TT Ân Thi	Khuyết tật nặng	405,000	1.500.000
173	Hoàng Văn Kế	1967		145547297	Mai Xuyên	TT Ân Thi	Khuyết tật nặng	405,000	1.500.000
174	Nguyễn Thị Ngọc Anh		1996		Thôn Quanh	TT Ân Thi	Khuyết tật ĐBN	540,000	1.500.000
175	Vũ Văn Thành	1930			Hoàng Cả 3	TT Ân Thi	NCT khuyết tật nặng	540,000	1.500.000
176	Nguyễn Văn Thái	1992			Phú Thôn	TT Ân Thi	Khuyết tật ĐBN	540,000	1.500.000
177	Hoàng Thị Tụ		1959	060114186	Mai Xuyên	TT Ân Thi	NCT khuyết tật DBN	675,000	1.500.000
178	Hoàng Văn Lảnh	1963			Mai Xuyên	TT Ân Thi	Khuyết tật nặng	405,000	1.500.000
179	Dương Thị Mai		1971		Bình Trì	TT Ân Thi	Khuyết tật ĐBN	540,000	1.500.000
180	Đào Văn Thắng	1957		033057001329	Ngan	TT Ân Thi	NCT khuyết tật nặng	540,000	1.500.000
181	Nguyễn Minh Quang	2005			Hoàng Cả 1	TT Ân Thi	TE dưới 16 tuổi KT ĐBN	675,000	1.500.000
182	Đào Thị Hoa		1990		Ngan	TT Ân Thi	Khuyết tật ĐBN	540,000	1.500.000
183	Vũ Thị Bao		1951	145595781	Hoàng Cả 3	TT Ân Thi	NCT khuyết tật nặng	540,000	1.500.000
184	Nguyễn Thị Hy		1946	145776965	Bình Trì	TT Ân Thi	NCT khuyết tật nặng	540,000	1.500.000
185	Vũ Thị Viện		1957	145526309	Hoàng Cả	TT Ân Thi	NCT khuyết tật nặng	540,000	1.500.000
186	Cáp Văn Cao	1972		145886119	Thôn Trung	TT Ân Thi	Khuyết tật nặng	405,000	1.500.000
187	Vũ Huy Hạnh	1963		145547058	Hoàng Cả 1	TT Ân Thi	Khuyết tật nặng	405,000	1.500.000
188	Bùi Thị Mai		1966	145819904	Thôn Quanh	TT Ân Thi	Khuyết tật nặng	405,000	1.500.000
189	Nguyễn Thị Huyền		1978		Thôn Quanh	TT Ân Thi	Khuyết tật nặng	405,000	1.500.000
190	Đào Thị Hưng		1957	145182674	Thôn Quanh	TT Ân Thi	NCT khuyết tật nặng	540,000	1.500.000
191	Nguyễn Thị Ngọc		1992		Thôn Quanh	TT Ân Thi	Khuyết tật nặng	405,000	1.500.000
192	Vũ Thị Nhung		1990	145819908	Mai Xuyên	TT Ân Thi	Khuyết tật nặng	405,000	1.500.000
193	Đồng Xuân Oai	1981		145858393	Bình Trì	TT Ân Thi	Khuyết tật nặng	405,000	1.500.000
194	Nguyễn Thị Thao		1968		Bình Trì	TT Ân Thi	Khuyết tật nặng	405,000	1.500.000
195	Nguyễn Tăng Quang	1957		145571744	Bình Trì	TT Ân Thi	NCT khuyết tật nặng	540,000	1.500.000
196	Nguyễn Trọng Phong	1971		033071003583	Bình Trì	TT Ân Thi	Khuyết tật nặng	405,000	1.500.000
197	Vũ Văn Biên	1979		145039967	Hoàng Cả	TT Ân Thi	Khuyết tật nặng	405,000	1.500.000
198	Vũ Thị Mậu		1963	033163001414	Hoàng Cả 2	TT Ân Thi	Khuyết tật nặng	405,000	1.500.000
199	Hoàng Văn Xuyến	1973		145231644	Mai Xuyên	TT Ân Thi	Khuyết tật nặng	405,000	1.500.000
200	Nguyễn Trung Nguyên	1976		145667766	Phạm Huy Thông	TT Ân Thi	Khuyết tật nặng	405,000	1.500.000
201	Nguyễn Trung Đạt	2009			Bình Trì	TT Ân Thi	TE dưới 16 tuổi khuyết tật nặng	540,000	1.500.000
202	Đinh Thị Thu Giang		1999		Phạm Huy Thông	TT Ân Thi	Khuyết tật nặng	405,000	1.500.000
203	Đinh Thị Thuý Quỳnh		1996		Phạm Huy Thông	TT Ân Thi	Khuyết tật nặng	405,000	1.500.000
204	Hoàng Văn Luyến	1981			Mai Xuyên	TT Ân Thi	Khuyết tật nặng	405,000	1.500.000
205	Lê Thị Mậu	1958		145547605	Bình Trì	TT Ân Thi	NCT khuyết tật nặng	540,000	1.500.000
206	Nguyễn Thị Hiện		1938		Bình Trì	TT Ân Thi	NCT khuyết tật nặng	540,000	1.500.000

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/ Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Thuộc Đối tượng nào (Theo Điều 5 NĐ136)	Kinh phí (đồng)	
		Nam	Nữ		Thôn	Xã		Trợ cấp XH hàng tháng (tính 1 tháng)	Hỗ trợ bị ảnh hưởng bởi Covid-19
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
207	Đoàn Việt Hùng	18/6/2008			Phạm Huy Thông	TT Ân Thi	TE dưới 16 tuổi khuyết tật nặng	540,000	1.500.000
208	Cáp Văn Bường	1945		140998112	Thôn Trung	TT Ân Thi	NCT khuyết tật nặng	540,000	1.500.000
209	Đỗ Văn Tâm	1961		145738628	MX Đông	TT Ân Thi	Khuyết tật nặng	405,000	1.500.000
210	Hoàng Thị Cúc		1951	033151000496	Hoàng Cả 1	TT Ân Thi	NCT khuyết tật nặng	540,000	1.500.000
211	Vũ Thị Sâm		1964	141049195	Hoàng Cả 1	TT Ân Thi	Khuyết tật nặng	405,000	1.500.000
212	Hoàng Văn Thuỷ	1968			Hoàng Cả 2	TT Ân Thi	Khuyết tật nặng	405,000	1.500.000
213	Vũ Huy Chung	1989		145284614	Hoàng Cả 3	TT Ân Thi	Khuyết tật nặng	405,000	1.500.000
214	Nguyễn Thị Loan		1969		Phú Thôn	TT Ân Thi	Khuyết tật nặng	405,000	1.500.000
215	Vũ Huy Hợi	1944			Hoàng Văn Thụ	TT Ân Thi	NCT khuyết tật nặng	540,000	1.500.000
216	Nguyễn Thị Yến Nhi		28/11/2012		Thôn Quanh	TT Ân Thi	TE dưới 16 tuổi khuyết tật nặng	540,000	1.500.000
217	Hoàng Văn Thả	1/10/1962		145231636	Hoàng Cả 1	TT Ân Thi	Khuyết tật nặng	405,000	1.500.000
218	Vũ Tiến Công	01/7/2005			Thôn Trung	TT Ân Thi	TE dưới 16 tuổi khuyết tật nặng	540,000	1.500.000
219	Phạm Xuân Tín	1958		145372536	Bình Trì	TT Ân Thi	NCT khuyết tật nặng	540,000	1.500.000
220	Cáp Tuấn Anh	15/6/1990			Phạm Ngũ Lão	TT Ân Thi	Khuyết tật nặng	405,000	1.500.000
221	Nguyễn Văn Quyết	2/11/2013			Phạm Ngũ Lão	TT Ân Thi	TE dưới 16 tuổi khuyết tật nặng	540,000	1.500.000
222	Vũ Huy Nghiệp	1962		145547004	Hoàng Cả 3	TT Ân Thi	Khuyết tật nặng	405,000	1.500.000
223	Nguyễn Thị Thơm		1958		Hoàng Cả	TT Ân Thi	NCT khuyết tật nặng	540,000	1.500.000
224	Hoàng Thị Thơi	12/12/1954		033154000149	Hoàng Cả	TT Ân Thi	NCT khuyết tật nặng	540,000	1.500.000
225	Phạm Tiến Dũng	12/7/1974			Bình Trì	TT Ân Thi	Khuyết tật nặng	405,000	1.500.000
226	Chu Văn Tuý	2/11/1964			Bùi Thị Cúc	TT Ân Thi	Khuyết tật nặng	405,000	1.500.000
227	Đỗ Duy Tùng	25/7/2014			Hoàng Cả 1	TT Ân Thi	TE dưới 16 tuổi khuyết tật nặng	540,000	1.500.000
228	Hoàng Văn Đặng	12/2/1992		145547074	Hoàng Cả	TT Ân Thi	Khuyết tật nặng	405,000	1.500.000
229	Vũ Thị Nga		1972	033172001393	Hoàng Cả	TT Ân Thi	Khuyết tật nặng	405,000	1.500.000
230	Nguyễn Thị Ốp		1940	140998229	Thôn Quanh	TT Ân Thi	NCT khuyết tật nặng	540,000	1.500.000
231	Nguyễn Thị Kim Chung		19/8/2010		Nguyễn Trung Ngạn	TT Ân Thi	TE dưới 16 tuổi khuyết tật nặng	540,000	1.500.000
232	Nguyễn Thị Giang Hương		21/7/2007		Thôn Quanh	TT Ân Thi	TE dưới 16 tuổi khuyết tật nặng	540,000	1.500.000
233	Đào Văn Thuận	1963		145065485	Thôn Quanh	TT Ân Thi	Khuyết tật nặng	405,000	1.500.000
234	Vũ Văn Miền	1963		033063000202	Mai Xuyên	TT Ân Thi	Khuyết tật nặng	405,000	1.500.000
235	Lâm Quang Quyết	1954		033054000583	Hoàng Văn Thụ	TT Ân Thi	NCT khuyết tật nặng	540,000	1.500.000
236	Nguyễn Thành Đạt	17/9/2016			Bình Trì	TT Ân Thi	TE dưới 16 tuổi KT ĐBN	675,000	1.500.000
237	Vũ Văn Bách	1971		145547190	Hoàng Cả 2	TT Ân Thi	Khuyết tật nặng	405,000	1.500.000
238	Đỗ Hoàng Anh	30/11/2009			Thôn Quanh	TT Ân Thi	TE dưới 16 tuổi KT ĐBN	675,000	1.500.000
239	Trần Tiến Dũng	26/01/2005			Phạm Ngũ Lão	TT Ân Thi	TE dưới 16 tuổi khuyết tật nặng	540,000	1.500.000
240	Doãn Thị Thu Trang		22/9/2006		Phạm Ngũ Lão	TT Ân Thi	TE dưới 16 tuổi khuyết tật nặng	540,000	1.500.000
241	Doãn Văn Bằng	18/10/1969			Thôn Trung	TT Ân Thi	Khuyết tật nặng	405,000	1.500.000
242	Doãn Thị Anh		1964		Thôn Trung	TT Ân Thi	Khuyết tật nặng	405,000	1.500.000
243	Nguyễn Trọng Hồng	23/12/1963			Bình Trì	TT Ân Thi	Khuyết tật nặng	405,000	1.500.000
244	Đinh Văn Tùng	26/12/1996			Thôn Quanh	TT Ân Thi	Khuyết tật nặng	405,000	1.500.000
245	Bùi Trung Du	04/3/1957		145595956	Thôn Quanh	TT Ân Thi	NCT khuyết tật nặng	540,000	1.500.000
246	Nguyễn Văn Trường	10/5/1969		033069000184	Hoàng Văn Thụ	TT Ân Thi	Khuyết tật nặng	405,000	1.500.000
247	Hoàng Thị Thanh		1968	033168000960	Hoàng Cả	TT Ân Thi	ĐT nuôi con thuộc hộ nghèo	270,000	1.500.000
248	Hoàng Thị Chi		1985	145182678	Mai Xuyên	TT Ân Thi	ĐT nuôi con thuộc hộ nghèo	540,000	1.500.000

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/ Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Thuộc Đối tượng nào (Theo Điều 5 NĐ136)	Kinh phí (đồng)	
		Nam	Nữ		Thôn	Xã		Trợ cấp XH hàng tháng (tính 1 tháng)	Hỗ trợ bị ảnh hưởng bởi Covid-19
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
249	Hoàng Thị Nghĩa		1976	141651078	Mai Xuyên	TT Ân Thi	ĐT nuôi con thuộc hộ nghèo	270,000	1.500.000
250	Vũ Thị Huế		1995	145667635	Hoàng Cà 3	TT Ân Thi	ĐT nuôi con thuộc hộ nghèo	270,000	1.500.000
251	Nguyễn Thị Hương		1972		Bình Trì	TT Ân Thi	ĐT nuôi con thuộc hộ nghèo	270,000	1.500.000
252	Đinh Thị Huyền		1973	033173001220	Mai Xuyên	TT Ân Thi	ĐT nuôi con thuộc hộ nghèo	540,000	1.500.000
253	Nguyễn Thị Dung		1995	145595465	Phú Thôn	TT Ân Thi	ĐT nuôi con thuộc hộ nghèo	270,000	1.500.000
254	Vũ Công Minh Hiếu	2009			Hoàng Cà	TT Ân Thi	TE mồ côi cả cha lẫn mẹ	405,000	1.500.000
255	Nguyễn Thị Lan Anh	2004			Hoàng Cà	TT Ân Thi	TE mồ côi cả cha lẫn mẹ	405,000	1.500.000
256	Đỗ Thị Vẹo		1924		Mai Xuyên	TT Ân Thi	Người cao tuổi 80	270,000	500.000
	Tổng cộng								383.000.000